

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin về Doanh nghiệp:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần EVN Quốc tế
- Tên giao dịch tiếng Anh: EVN International Joint Stock Company
- Tên viết tắt: EVN International
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp và mã số thuế: 0102379203 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp: Đăng ký thay đổi lần thứ 08: ngày 08/01/2025.
MST: 0102379203
- Vốn điều lệ: 366.771.450.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 366.771.450.000 đồng
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô 91, Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: (84) 236.6255656
- Fax: (84) 236.3633991
- Email: admin@evni.vn
- Website: www.evni.vn
- Mã chứng khoán: EIC
- Sàn giao dịch: UpCom

2. Quá trình hình thành và phát triển:

31.05.2007

Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và các đối tác như Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, Tập đoàn Viễn thông Quân đội, Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty cổ phần XNK và XD Việt Nam, Ngân hàng Thương mại cổ phần An Bình, Công ty cổ phần đầu tư

- Bắc Hà và một số đơn vị trong EVN.... đã xúc tiến thành lập Công ty cổ phần EVN Campuchia. (tiền thân của Công ty Cổ phần EVN Quốc tế).
- 12.09.2007** Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thành lập Công ty cổ phần EVN Campuchia với số vốn điều lệ 2.400 tỷ đồng.
- 02.05.2008** Công ty đổi tên thành Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI) và trong tháng 09/2008 Công ty tiến hành chuyển trụ sở vào thành phố Đà Nẵng ngày 01/10/2008.
- 25.09.2008** Công ty được Sở Kế hoạch – Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp) số 3203002232. Cho đến hiện nay Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được điều chỉnh 8 lần và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 08/01/2025 với mã số doanh nghiệp 0102379203.
- 22.07.2010** Công ty cổ phần EVN Quốc tế được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng theo Công văn số 2035/UBCK-QLPH.
- 22.06.2011** Công ty cổ phần EVN Quốc tế được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán lần đầu số 43/2011/GCNCP-VSD ngày 22/06/2011, với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là 36.572.145 cổ phiếu.
- 01.03.2012** Công ty được VSD cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 43/2011/GCNCP-VSD-1 thay đổi lần thứ 01 do đăng ký chứng khoán bổ sung với số lượng chứng khoán đăng ký thay đổi là 36.677.145 cổ phần
- 18.05.2016** Công ty thực hiện thủ tục điều chỉnh vốn điều lệ Công ty theo số vốn thực góp. Sở Kế hoạch – Đầu tư Tp. Đà Nẵng đã cấp đổi (lần 6) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho EVNI, trong đó đã điều chỉnh vốn điều lệ về đúng bằng số vốn thực góp là 366.771.450.000 đồng.
- 20.02.2017** Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu trên thị trường UpCom với mã chứng khoán EIC, ngày giao dịch chính thức của cổ phiếu là 28/02/2017; Số lượng cổ phiếu lưu hành: 36.677.145 cổ phiếu.

EVNI hoạt động theo mô hình công ty cổ phần thành lập tại Việt Nam, có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam, thực hiện đầu tư các dự án năng lượng tại nước ngoài, chủ yếu là tại Campuchia và Lào. Đối với mỗi dự án, Công ty tham gia góp vốn cùng các đối tác trong và ngoài nước, để trực tiếp thực hiện đầu tư và điều hành dự án.

Việc EVNI tham gia đầu tư các dự án điện tại Lào và Campuchia sẽ giúp thúc đẩy việc triển khai sớm các dự án hợp tác đã được Chính phủ Việt Nam thỏa thuận với Chính phủ Lào và Campuchia, là yếu tố thuận lợi thúc đẩy chương trình hợp tác đầu tư, trao đổi năng lượng điện, tạo điều kiện để Ngành điện Việt Nam trở thành đối tác của Tổng Công ty Điện lực Lào và Tổng Công ty Điện lực Campuchia, đồng thời có thể hỗ trợ nước Bạn trong vận hành nhà máy điện, quản lý hệ thống điện quốc gia và thúc đẩy hơn nữa quan hệ hợp tác đặc biệt giữa 3 nước.

3. Ngành nghề kinh doanh:

3.1 Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

Chi tiết: Sản xuất, truyền tải, kinh doanh mua bán điện trong và ngoài nước. Xây dựng vận hành công trình thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5, Hạ Sê San 2 và các dự án điện lực khác tại Campuchia. Kinh doanh điện năng trong và ngoài nước.

3.2 Dạy nghề.

Chi tiết: Đào tạo nguồn nhân lực về quản lý, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện.

3.3 Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Chi tiết: Phát triển và kinh doanh bất động sản, cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp trong và ngoài nước.

3.4 Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác.

Giám sát thi công xây dựng. Hoàn thiện công trình năng lượng (đường dây và trạm biến áp đến 500 kV). Tư vấn các hoạt động chuẩn bị sản xuất cho nhà máy điện. Giám sát thi công xây dựng. Hoàn thiện công trình thủy điện.

3.5 Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan khác.

Chi tiết: Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị các công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng, công trình năng lượng, công trình hạ tầng kỹ thuật.

3.6 Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

Chi tiết: thi công xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng, công trình năng lượng, công trình hạ tầng kỹ thuật. Xây dựng và vận hành các công trình điện.

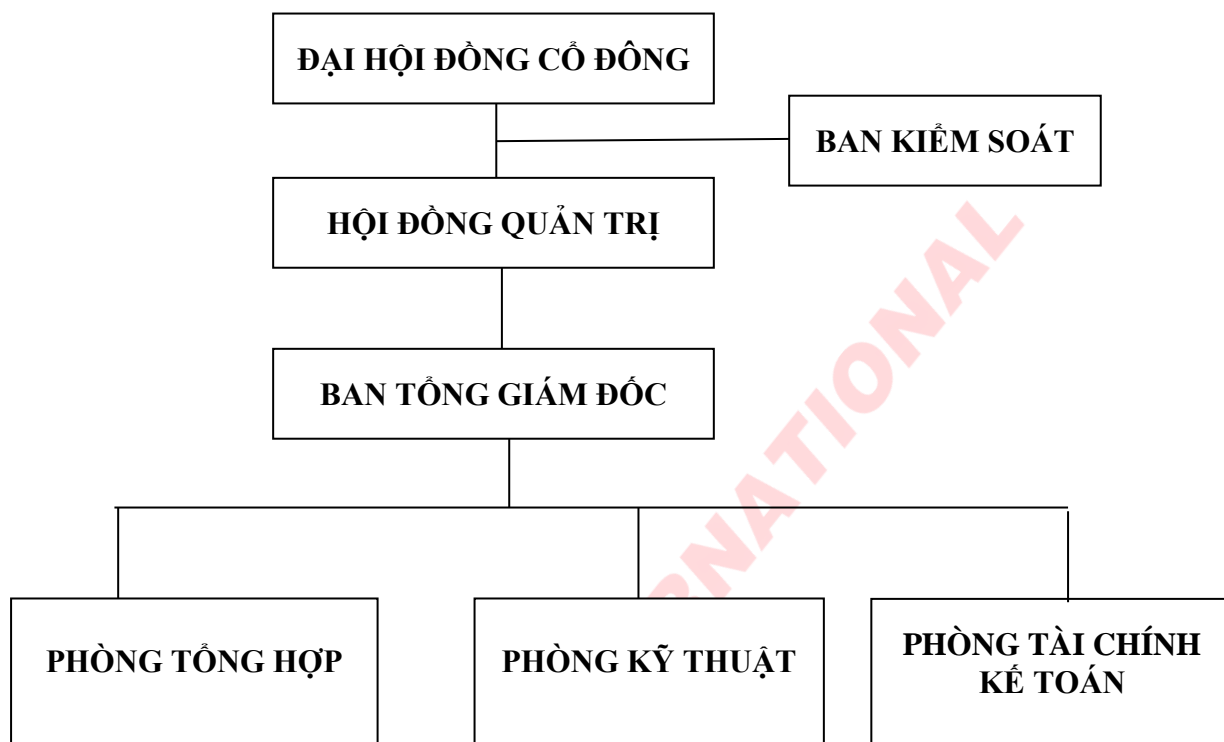
3.7 Quản lý dự án. Kinh doanh lâm nghiệp, khai thác mỏ tại Campuchia. Dịch vụ quản lý vận hành các nhà máy điện trong và ngoài nước. Sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp thiết bị, công trình của các nhà máy điện trong và ngoài nước. Thí nghiệm điện. Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị điện. Xây dựng, vận hành các công trình điện. Khai thác lâm sản, khai thác mỏ. Xuất khẩu, nhập khẩu điện năng. Nhập khẩu nhiên liệu, nguyên liệu phục vụ sản xuất điện. Khai thác và sản xuất đá, cát, xi măng, gạch các loại, sắt thép.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Mô hình quản trị doanh nghiệp bao gồm: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Tổng giám đốc.

- Cơ cấu bộ máy quản lý: Tổng Giám đốc quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể thông qua Phó Tổng Giám đốc.

- Mô hình tổ chức:



- Công ty liên kết:

Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 (HLSS2) được thành lập tại Vương quốc Campuchia vào ngày 16 tháng 12 năm 2011 theo Giấy đăng ký số 2955E/2011 và là một công ty TNHH có địa chỉ đăng ký tại số 246, Monivong Boulevard, Sangkat Boeung Raing, Khan Daun, Phnom Penh.

Hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ bao gồm thực hiện đầu tư dự án thủy điện Hạ Sê San 2 (400MW) tại tỉnh Stung Treng, Vương quốc Campuchia và đường dây truyền tải 230kV từ dự án thủy điện Hạ Sê San 2 đến trạm biến điện 230kV Stung Treng tại Campuchia theo hình thức Xây dựng-Vận hành-Chuyển giao ("BOT").

Vốn điều lệ: 1.000.000 USD

Tỷ lệ sở hữu của EVNI tại Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2: 10%

5. Định hướng phát triển:

Các mục tiêu chủ yếu của EVNI:

(i) Thực hiện các thủ tục quản lý, theo dõi việc bảo toàn phần vốn đã góp tại Công ty TNHH thủy điện Sê San 2, Vương quốc Campuchia. Phối hợp với các cổ đông trong HLSS2 để xem xét phê duyệt kế hoạch SXKD, tài chính và phân phối lợi nhuận hàng năm thông qua HĐQT và ĐHĐCĐ.

(ii) Tìm kiếm đối tác để chuyển giao dự án hoặc góp vốn đầu tư đối với các dự án thủy điện Hạ Sê San 1/ Sê San 5; thủy điện Sekong; thủy điện Nậm Mô 1.

(iii) Thực hiện công tác tư vấn QLDA và TVGS, chủ động để hoàn thiện năng lực Tư vấn giám sát và đặt mục tiêu phát triển bền vững, tạo nguồn thu nhập ổn định trong khi chờ kết quả kinh doanh của các dự án EVNI đang thực hiện.

(iv) Phân đầu trở thành doanh nghiệp tiêu biểu – Vì lợi ích của nhà đầu tư.

6. Các rủi ro:

EVNI là Cổ đông thiểu số (10%) trong Công ty liên kết, việc kiểm soát các quyết định trong ĐHĐCĐ, HĐQT gần như không thể thực hiện được, mặt khác việc không được tham gia trong ban điều hành Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 phần nào ảnh hưởng đến việc giám sát thực hiện dự án.

II. Tình hình hoạt động SXKD trong năm:

1. Công tác quản lý dự án:

1.1 Dự án thủy điện Hạ Sê San 2:

- Về sản xuất điện: Đến 31/12/2025, nhà máy phát điện hòa lưới 2,34 tỷ kWh (đạt 128% kế hoạch năm 2025; 132% cùng kỳ năm 2024 và đạt vượt 22% sản lượng thiết kế/1.912 triệu kWh); sản lượng điện sản xuất lũy kế đạt 14,63 tỷ kWh.

- Phân phối lợi nhuận: Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San (HLSS2) đã thực hiện việc phân phối lợi nhuận hàng năm từ năm 2020. Năm 2025, HLSS2 đã thực hiện việc phân phối lợi nhuận cho EVNI từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2024 với giá trị là 3,5 triệu USD. Tổng giá trị cổ tức EVNI nhận được lũy kế đến nay là 20,468 triệu USD tương đương 487,3 tỷ đồng (đạt 210,8% giá trị vốn EVNI đã đầu tư vào dự án thủy điện Hạ Sê San 2).

1.2. Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5; Sê Kông và Nậm Mô 1:

- Tiếp tục tìm kiếm đối tác để chuyển giao dự án: Công ty đã nỗ lực tìm kiếm đối tác nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả và gặp nhiều khó khăn.

- Về phương án xử lý tài chính:

+ Dự án thủy điện Sê Kông (Campuchia) và Nậm Mô 1 (Lào): ĐHĐCĐ đã thông qua chủ trương chấm dứt hoạt động dự án đầu tư ra nước ngoài và HĐQT đã thông qua phê duyệt quyết toán vốn đầu tư; hạch toán toàn bộ toàn bộ chi phí vốn đầu tư các dự án này vào chi phí năm 2025.

+ Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/5 (Campuchia): Chưa trình xử lý tài chính trong năm 2025 do cân đối tài chính để đảm bảo mức chi trả cổ tức cho cổ đông từ 10% trở lên.

2. Công tác tư vấn TVGS:

Trong năm 2025, Công ty tổ chức thực hiện dịch vụ TVGS cho 25 gói thầu với giá trị 29,04 tỷ đồng (07 gói thầu đấu thầu mới năm 2025 và 18 gói thầu chuyển tiếp các năm trước). Trong đó, Công ty đã cung cấp dịch vụ tư vấn giám sát cho công trình trọng điểm Quốc gia - dự án đường dây 500kV mạch Lào Cai – Vĩnh Yên hoàn thành đúng tiến độ được Công đoàn điện lực Việt Nam tặng giấy khen.

* Công tác nghiệm thu, thanh quyết toán:

- Đã hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu thanh toán/quyết toán 10 gói thầu (bao gồm đã hoàn thành và đang thực hiện dở dang), với giá trị đã nghiệm thu thanh toán là 10,58 tỷ đồng (giá trị trước thuế) đạt 103% kế hoạch năm 2025.

* Công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm:

Công ty đã trúng thầu 06 gói thầu TVGS (Dự án Lắp MBA thứ 2 Trạm biến áp 220kV Nam Cẩm, ĐZ 500KV Lào Cai - Vĩnh Yên, TBA 500kV Quảng Trị và ĐZ đầu nối Quảng Trị-rẽ Vũng Áng-Đà Nẵng, Lắp đặt vật tư, thiết bị TBA 500KV Thanh Hóa, Trang bị hệ

thống giám sát nguồn DC tại các TBA 500kV mạch 1 và các TBA 500kV đã xảy ra sự cố do hệ thống nguồn DC, Tư vấn giám sát thi công xây dựng và giám sát lắp đặt hệ thống PCCC tại Công ty thủy điện Sông Tranh, Giám sát lắp đặt hệ thống điều khiển giám sát (DCS) và hệ thống điều khiển công suất tổ máy từ xa (AGC) NMTĐ Bắc Bình), với tổng giá trị: 6,071 tỷ đồng (trước thuế VAT) đạt 181,4% kế hoạch năm 2025 (3,346 tỷ đồng).

* Công tác thu hồi công nợ đối với hoạt động dịch vụ:

Trong năm 2025, Công ty đã tích cực làm việc, đôn đốc các Chủ đầu tư thanh toán công nợ và đã thu hồi (bao gồm khoản tạm ứng) được 10,62 tỷ đồng. Đến 31/12/2025, Số dư công nợ phải thu là 7,76 tỷ đồng (trong đó số công nợ giữ lại 5% theo Hợp đồng là 1,6 tỷ đồng); số tiền Chủ đầu tư đã tạm ứng thanh toán trước: 1 tỷ đồng.

3. Công tác quản trị, văn phòng:

- Tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo mô hình gọn nhẹ, linh hoạt với 03 Phòng chức năng, biên chế nhân sự 34 người; thực hiện sắp xếp, bố trí nhân sự phù hợp, đáp ứng yêu cầu quản lý của Công ty trên cơ sở nhiệm vụ công tác năm 2025 nhằm tối ưu hóa chi phí.

- Rà soát, sửa đổi bổ sung kịp thời và quán triệt, tổ chức thực hiện tuân thủ các Quy chế, Quy định và Quy trình quản lý nội bộ của Công ty.

- Công tác công bố thông tin được thực hiện kịp thời và đúng quy định (BCTC, Báo cáo quản trị, Báo cáo thường niên...).

- Công tác quản lý vốn, tài chính:

+ Quản lý chi phí hoạt động chặt chẽ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD. Qua đó, đã tiết kiệm chi phí hoạt động 932,4 triệu đồng, tương ứng 13,5% so với kế hoạch năm 2025 (trừ lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp cho người lao động theo quy định).

+ Thường xuyên, chủ động kiểm soát, cân đối dòng tiền để có phương án gửi tiền có kỳ hạn phù hợp. Qua đó, làm tăng doanh thu hoạt động tài chính từ hoạt động gửi tiết kiệm 2,6 tỷ đồng so với KH năm 2025.

+ Tình hình tài chính của Công ty được duy trì an toàn và ổn định, công tác thanh toán được thực hiện đúng quy định.

+ Các chỉ tiêu tài chính luôn đảm bảo, vốn chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển: Nợ phải trả/VCSH (<1); Hệ số bảo toàn vốn (≥ 1); Khả năng thanh toán ngắn hạn (>2).

- Công tác nghiệm thu thanh quyết toán:

+ Chủ động xây dựng kế hoạch nghiệm thu thanh quyết toán để đôn đốc các đơn vị thi công nghiệm thu khối lượng đã thực hiện, làm cơ sở để EVNI nghiệm thu thanh quyết toán chi phí TVGS.

+ Thực hiện nghiệm thu, thanh quyết toán kịp thời giá trị Hợp đồng các gói thầu do Công ty cung cấp dịch vụ Tư vấn.

- Hoàn thành công tác tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên EVNI năm 2025 và ĐHĐCĐ bất thường bầu bổ sung thành viên BKS.

- Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc thông qua chủ trương chấm dứt hoạt động đối với dự án thủy điện Sê Kông (Campuchia) và Nậm Mô 1 (Lào).

- Duy trì dịch vụ cho thuê văn phòng tại nhà làm việc của EVNI: 10 đơn vị thuê văn phòng 61,3 triệu đồng/1 tháng; 02 đơn vị thuê đất 27 triệu đồng/1 tháng (tổng cộng: 88,3

triệu/1 tháng, tương ứng 1,06 tỷ/1 năm).

- Kiện toàn bộ máy nhân sự phù hợp đảm bảo công tác quản lý các dự án và duy trì năng lực thực hiện TVGS các gói thầu chuyên ngành điện lực. Tiết kiệm tối đa chi phí hoạt động đảm bảo đạt lợi nhuận tối thiểu 10% từ công tác TVQLDA, TVGS.

- Thực hiện chi trả cổ tức năm 2024 với tỷ lệ 13%.

- Trong năm 2025, Công ty không có tồn tại nào liên quan các biên bản thanh tra, kiểm tra.

4. Công tác lao động, tiền lương và đào tạo:

- Lao động: Tổng số lượng CBCNV Công ty đến 31/12/2025 là 34 người.

- Tiền lương: thu nhập bình quân của Ban điều hành và người lao động trong năm 2025 đạt 33,2 triệu đồng/tháng.

- Đào tạo: Tổ chức và tạo điều kiện để cán bộ tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ, các lớp đào tạo nâng cao kiến thức chuyên môn.

+ Bố trí 07 cán bộ nhóm 4-5 tham gia lớp an toàn vệ sinh lao động; tổ chức huấn luyện công tác phòng cháy chữa cháy tại chỗ cho 20 CBCNV.

+ Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ công tác tư vấn giám sát PCCC.

+ Cấp lại chứng chỉ hành nghề tư vấn giám sát cho 05 cán bộ giám sát.

+ Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ công tác đấu thầu và tham gia thi để cấp chứng chỉ hành nghề cho 09 cán bộ làm công tác đấu thầu.

5. Công tác an sinh xã hội, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho Người lao động:

- Quan tâm, tạo điều kiện và tích cực tham gia thực hiện tốt công tác an sinh xã hội như: hiến máu nhân đạo, ủng hộ nhân dân các tỉnh bị ảnh hưởng trong các đợt mưa lũ; thăm hỏi người có công với cách mạng nhân ngày thương binh liệt sỹ; ...

- Phối hợp chặt chẽ với Công đoàn thực hiện tuyên truyền, vận động người lao động tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua tạo khí thế trong lao động sản xuất, bảo đảm đời sống, việc làm và thu nhập cho người lao động.

- Tiếp tục thực hiện tốt các chế độ chính sách với người lao động như: 100% CBCNV được đóng BHXH, BHYT, BHTN, TNLĐ và bảo hiểm sức khỏe; tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV, riêng đối với lao động nữ 01 năm được khám 02 lần.

- Tổ chức tham quan, học tập và nghỉ mát cho CBCNV tại Hàn Quốc.

6. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2025 tập thể CBCNV Công ty đã đoàn kết, nỗ lực, cố gắng khắc phục khó khăn, thực hiện các giải pháp nhằm đảm bảo điều hành có hiệu quả hoạt động SXKD của đơn vị. Kết quả đạt được cụ thể như sau:

ĐVT: đồng

| TT | NỘI DUNG | Đơn vị/tỷ lệ | Kế hoạch năm 2025 | Thực hiện năm 2025 | % thực hiện trên kế hoạch |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------|--------------------|---------------------------|
| A | Tổng nguồn thu | | 62.346.374.000 | 108.750.557.029 | 174% |
| A.1 | Doanh thu hoạt động trực tiếp từ Công ty | đồng | 14.346.374.000 | 17.840.733.109 | 124% |
| I | Doanh thu từ hoạt động đầu tư tài chính, cho thuê đất và văn phòng Công ty... | đồng | 4.100.000.000 | 7.256.926.078 | 177% |
| II | Doanh thu từ hoạt động Tư vấn (QLDA, Giám sát...) | đồng | 10.246.374.000 | 10.583.807.031 | 103% |
| A.2 | Doanh thu từ Dự án Thủy điện Hạ Sê San 2 | đồng | 48.000.000.000 | 90.909.823.920 | 189% |
| B | Tổng chi phí | | 29.025.926.000 | 54.667.595.571 | 188% |
| B.1 | Chi phí hoạt động, duy trì và quản lý dự án các dự án của Công ty | đồng | 13.084.189.000 | 16.051.461.434 | 123% |
| B.2 | Chi phí hoạt động cho công tác Tư vấn (QLDA, Giám sát...) | đồng | 9.221.737.000 | 9.526.437.837 | 103% |
| B3 | Phí chuyển tiền cổ tức HSS2 về Việt Nam | đồng | 6.720.000.000 | 12.724.823.530 | 189% |
| B.4 | Chi phí đầu tư dự án thủy điện - dừng triển khai và chi phí khác | đồng | - | 16.364.872.770. | |
| C | Lợi nhuận | Đồng | | | |
| C.1 | Lợi nhuận trước thuế | | 33.320.448.000 | 54.082.961.458 | 162% |
| C.2 | Tỷ lệ chia cổ tức | % | 10 | 10 | 100% |
| C.3 | Lợi nhuận phân phối cho cổ đông | đồng | 36.677.145.000 | 36.677.145.000 | 100% |

III. Tổ chức và nhân sự:**1. Hội đồng quản trị:****a. Thành viên Hội đồng quản trị:**

| STT | Tên | Chức vụ |
|-----|-------------------|-----------------|
| 1 | Trương Quang Minh | Chủ tịch HĐQT |
| 2 | Lê Vũ Ninh | Thành viên HĐQT |
| 3 | Nguyễn Quang Huy | Thành viên HĐQT |
| 4 | Nguyễn Thị Hương | Thành viên HĐQT |
| 5 | Lê Duy Thanh | Thành viên HĐQT |

b. Tóm tắt lý lịch cá nhân các thành viên HĐQT

b.1. Ông Trương Quang Minh – Chủ tịch HĐQT

Ngày tháng năm sinh: 04/01/1971

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng thủy lợi thủy điện

Sở hữu cổ phần:

+ Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 107.077 cổ phần – tỷ lệ 0,29%

+ Đại diện phần vốn: 5.732.761 cp – tỷ lệ: 15,63% (Tổng công ty phát điện 1)

+ Chức vụ tại công ty khác: Ủy viên HĐQT Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 – Campuchia (Công ty liên kết)

Quá trình công tác:

+ Tháng 09/1989 - 06/1994: Sinh viên trường Đại học Bách Khoa Đà Nẵng

+ Tháng 08/1994 - 06/2008: Chuyên viên phòng Kỹ thuật - Ban QLDA các công trình điện Miền Trung

+ Tháng 06/2008 - 09/2008: Phó phòng Đấu thầu - Ban QLDA các công trình điện Miền Trung

+ Tháng 09/2008 - 12/2009: Phó phòng Kỹ thuật EVNI.

+ Tháng 12/2009 - 07/2011: Trưởng phòng Kỹ thuật EVNI.

+ Tháng 07/2011 - 04/2013: Phó Tổng Giám đốc EVNI.

+ Tháng 04/2013 - 01/2015: Phó Bí thư chi bộ, Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc EVNI

+ Tháng 01/2015 - 07/2020: Bí thư chi bộ, Ủy viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc EVNI

+ Tháng 07/2020 đến nay: Bí thư chi bộ, Ủy viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT EVNI

b.2. Ông Lê Vũ Ninh – Thành viên HĐQT

Ngày tháng năm sinh: 29/5/1979

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng thủy lợi thủy điện

Sở hữu cổ phần:

+ Đại diện phần vốn: 3.821.801 cp – tỷ lệ: 10,42% (Tổng công ty phát điện 1)

Quá trình công tác:

+ Từ 08/2003 đến 03/2006: Chuyên viên Phòng Kỹ thuật, Công ty Cổ phần Sông Ba (SBA) – Tổng Công ty Điện lực Miền Trung

+ Từ 03/2006 đến 05/2007: Tổ trưởng Tổ giám sát xây dựng 1 - Phòng Kỹ thuật, Công ty Cổ phần Sông Ba (SBA) – Tổng Công ty Điện lực Miền Trung

+ Từ 05/2007 đến 07/2008: Phó ban giám sát thi công xây dựng, Công ty Cổ phần Sông Ba (SBA) – Tổng Công ty Điện lực Miền Trung

+ Từ 07/2008 đến 02/2011: Trưởng ban giám sát thi công xây dựng, Công ty Cổ phần Sông Ba (SBA) – Tổng Công ty Điện lực Miền Trung

+ Từ 03/2011 đến 05/2013: Chuyên viên Phòng Kỹ thuật, EVNI

+ Từ 05/2013 đến 08/2013: Phó Trưởng Phòng Kỹ thuật, EVNI

+ Từ 08/2013 đến 11/2017: Trưởng Phòng Kỹ thuật, EVNI

+ Từ 11/2017 đến 10/2020: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, EVNI

+ Từ 10/2020 đến nay: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, EVNI

b.3. Ông Nguyễn Quang Huy Thành viên HĐQT

Ngày tháng năm sinh: 13/01/1973

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán doanh nghiệp, Thạc sĩ quản trị kinh doanh quốc tế

Sở hữu cổ phần:

+ Đại diện phần vốn: 7.080.000 cp – tỷ lệ: 19,3% (Cty CP Nhiệt điện Phả Lại)

Chức vụ tại công ty khác: Phó trưởng phòng Tài chính – Kế toán, Công ty cổ phần nhiệt điện Phả Lại

Quá trình công tác:

+ Từ 1994 - 1997: Kế toán viên phòng Tài vụ - Công ty vật liệu xây dựng (nay là Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bạch Đằng 8) – Tổng Công ty xây dựng Bạch Đằng

+ Từ 1997 - 2003: Kế toán viên phòng Tài chính – Kế toán - Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

+ Từ 2003 - 2017: Phó trưởng phòng Tài chính – Kế toán - Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

+ Từ 2017 - 2021: Trưởng ban kiểm soát - Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

+ Từ 2021 đến nay: Phó trưởng phòng Tài chính – Kế toán - Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

b.4. Bà Nguyễn Thị Hương**Thành viên HĐQT**

Ngày tháng năm sinh: 03/08/1973

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế thương mại, Thạc sỹ kinh tế phát triển

Sở hữu cổ phần:

+ Đại diện phần vốn: 3.780.000 cp – tỷ lệ: 10,31% (ABB))

Chức vụ tại công ty khác:

+ Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình (ABB)

+ Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH một thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP An Bình

+ Thành viên HĐQT Công ty cổ phần đầu tư điện lực 3

+ Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần thông tin tín dụng Việt Nam

Quá trình công tác:

+ Từ 9/1994 - 7/1997: Chuyên viên thanh toán thuộc Hội đồng thanh toán ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN)

+ Từ 7/1997-5/2001: Chuyên viên, Phòng nghiên cứu kinh tế nước ngoài, Vụ Chính sách tiền tệ, NHNN.

+ Từ 5/2001-12/2005: Phó trưởng phòng Nghiên cứu kinh tế nước ngoài, Vụ Chính sách tiền tệ, NHNN.

+ Từ 12/2005 - 10/2007: Phó trưởng phòng Chính sách tín dụng và lãi suất, Vụ Chính sách tiền tệ, NHNN.

+ Từ 10/2007- 6/2008: Trưởng phòng quản lý rủi ro, Ngân hàng TMCP An Bình, Thành viên Ban tín dụng.

+ Từ 6/2008 – 3/2010: Phó Giám đốc Khối Nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ, ngoại hối, Ngân hàng TMCP An Bình .

+ Từ 3/2010 - 01/2016: Giám đốc Khối Nguồn vốn và Đầu tư, Ngân hàng TMCP An Bình, Thành viên Hội đồng quản lý tài sản Nợ - Có (ALCO), Thành viên Hội đồng đầu tư (từ 12/2013 - nay)

+ Từ 1/2016 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP An Bình; Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH một thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP An Bình; Thành viên HĐQT Công ty cổ phần đầu tư điện lực 3; Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần thông tin tín dụng Việt Nam.

b.5. Ông Lê Duy Thanh**Thành viên HĐQT**

Ngày tháng năm sinh: 25/07/1986

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân QTKD

Sở hữu cổ phần:

+ Đại diện phần vốn: 4.320.000 cp – tỷ lệ: 11,78% (Tập đoàn cao su Việt Nam)

Chức vụ tại công ty khác: -Chuyên viên ban Kế hoạch đầu tư – Tập đoàn cao su Việt Nam

Quá trình công tác:

+ Từ tháng 02/2012 đến tháng 12/2020: Chuyên viên Ban Kế hoạch Đầu tư – Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam;

+ Từ tháng 12/2020 đến nay: Phó Trưởng Ban Kế hoạch Đầu tư – Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam

2. Ban điều hành:

2.1 Thành viên Ban điều hành:

| STT | Tên | Chức vụ |
|-----|-------------------|-------------------|
| 1 | Trương Quang Minh | Chủ tịch HĐQT |
| 2 | Lê Vũ Ninh | Tổng Giám đốc |
| 3 | Lê Thanh Khoa | Phó Tổng Giám đốc |
| 4 | Phạm Thị Thủy | Kế toán trưởng |

2.2 Tóm tắt lý lịch cá nhân các thành viên Ban điều hành:

a. Ông Trương Quang Minh Chủ tịch HĐQT

Thông tin cá nhân ông Trương Quang Minh như trình bày tại mục III.1.b.1.

b. Ông Lê Vũ Ninh Tổng Giám đốc

Thông tin cá nhân ông Lê Vũ Ninh như trình bày tại mục III.1.b.2.

c. Ông Lê Thanh Khoa – Phó Tổng Giám đốc

Ngày tháng năm sinh: 19/12/1974

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kỹ thuật chuyên ngành Mạng và Hệ thống điện

Sở hữu cổ phần:

+ Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phần – tỷ lệ 0,003%

Quá trình công tác:

+ Từ 08/1998 đến 3/2008: Chuyên viên Phòng Kỹ thuật, Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Trung;

+ Từ 04/2008 đến 02/2009: Chuyên viên Phòng Kỹ thuật, EVNI;

- + Từ 3/2009 đến 11/2018: Phó Trưởng phòng Kỹ thuật, EVNI;
- + Từ 12/2018 đến 11/2021: Trưởng phòng Kỹ thuật, EVNI;
- + Từ tháng 12/2021 đến 09/2023: Phó Tổng giám đốc kiêm Trưởng phòng Kỹ thuật, EVNI;
- + Từ tháng 09/2023 đến nay: Phó Tổng giám đốc, EVNI.

d. Bà Phạm Thị Thủy - Kế toán trưởng

Ngày tháng năm sinh: 22/08/1988

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

Sở hữu cổ phần:

- + Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 1.600 cổ phần – tỷ lệ 0,004%

Quá trình công tác:

- + Từ 02/2010 đến 06/2011: Kế toán tổng hợp tại Công ty TNHH Sơn Hải
- + Từ 07/2011 đến 11/2017: Chuyên viên Phòng Tài chính kế toán EVNI
- + Tháng 11/2017 đến 11/2018: Phụ trách kế toán EVNI
- + Tháng 11/2018 đến nay: Kế toán trưởng EVNI

3. Ban kiểm soát:

3.1. Thành viên Ban kiểm soát:

| STT | Tên | Chức vụ |
|-----|--------------------|----------------|
| 1 | Nguyễn Thành Lương | Trưởng BKS |
| 2 | Vũ Hương Trà | Kiểm soát viên |
| 3 | Nguyễn Thị Huyền | Kiểm soát viên |

3.2. Tóm tắt lý lịch cá nhân các thành viên Ban kiểm soát:

a. Ông Nguyễn Thành Lương - Trưởng Ban kiểm soát

Ngày tháng năm sinh: 10/4/1977

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành Tài Chính doanh nghiệp

Sở hữu cổ phần: 0

Quá trình công tác:

- + Từ 01/10/2001 đến 27/02/2009: Nhân viên kế toán Công ty cổ phần xi măng Hoàng Mai – Phường Quỳnh Thiện – tỉnh Nghệ An.
- + Từ 01/3/2009 đến 14/6/2011: Chuyên viên Phòng Vật tư thiết bị Ban Quản lý dự án thủy điện 2 – Phường Trường Vinh – tỉnh Nghệ An.

- + Từ 15/6/2011 đến 31/12/2016: Chuyên viên Phòng Kế hoạch và vật tư Công ty thủy điện Bản Vẽ - Đường Lê nin – Phường Trường Vinh – tỉnh Nghệ An.
- + Từ 01/01/2017 đến 30/4/2021: Phó trưởng phòng Kế hoạch và vật tư Công ty thủy điện Bản Vẽ - Đường Lê nin – Phường Trường Vinh – tỉnh Nghệ An.
- + Từ 01/5/2021 đến 31/03/2024: Phó trưởng phòng Tài chính và Kế toán Công ty thủy điện Bản Vẽ - Đường Lê nin – Phường Trường Vinh – tỉnh Nghệ An.
- + Từ 01/4/2024 đến nay: Chuyên viên chính Ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính Tổng công ty Phát điện 1 – Phường Cầu Giấy – Thành Phố Hà Nội.

b. Bà Vũ Hương Trà - Kiểm soát viên

Ngày tháng năm sinh: 30/04/1983

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài Chính Ngân hàng, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Sở hữu cổ phần: 0

Quá trình công tác:

- + Từ 07/2005 – 03/2006: Kế toán tổng hợp – Sở giao dịch 1 - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín
- + Từ 04/2006 – 12/2007: Trưởng nhóm Phân tích phòng Phân tích thiết kế - Công ty Giải Pháp Ngân Hàng và Tài Chính (HIBF- HIPT Group).
- + Từ 01/2008 – 03/2011: Quản lý – Phòng Phân tích nghiệp vụ - Ngân hàng TMCP Bảo Việt
- + Từ 04/2011 – 11/2016: Phó Phòng Quản lý hoạt động Nguồn Vốn- Khối Nguồn vốn và Đầu tư, Ngân hàng TMCP An Bình.
- + Từ 12/2016 đến nay: Trưởng Phòng Quản lý hoạt động Nguồn Vốn- Khối Nguồn vốn và Đầu tư, Ngân hàng TMCP An Bình.

c. Bà Nguyễn Thị Huyền - Kiểm soát viên

Ngày tháng năm sinh: 19/8/1983

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán tổng hợp

Sở hữu cổ phần: 0

Quá trình công tác:

- + Từ ngày 21/8/2006 đến tháng 6/2008: làm việc Tại công ty cổ phần lắp máy điện nước, Phường Bò Đề, Quận Long Biên, Hà Nội.
- + Từ tháng 6/2008 đến nay: Chuyên viên Phòng tài chính kế toán, Công ty Cổ phần nhiệt điện Phả Lại.

4. Những thay đổi trong Ban điều hành trong năm 2025: Không

5. Số lượng lao động và cơ cấu lao động:

5.1 Số lượng lao động:

| Năm | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 | 2024 | 2025 |
|---------------------|------|------|------|------|------|------|------|
| Số lượng (người) | 24 | 30 | 33 | 32 | 32 | 32 | 34 |

5.2 Cơ cấu lao động:

| Tiêu chí | Số lượng | Tỷ trọng |
|--------------------------------|-----------|-------------|
| I. Phân theo trình độ | 34 | 100% |
| 1. Trên đại học | 3 | 9% |
| 2. Đại học | 30 | 88% |
| 3. Cao đẳng/Trung cấp | 1 | 3% |
| II. Phân theo giới tính | 34 | 100% |
| 1. Nam | 27 | 79% |
| 2. Nữ | 7 | 21% |

6. Tình hình tài chính:**6.1 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

| Các chỉ tiêu | Năm 2024 | Năm 2025 |
|------------------------------------------------------------------------|----------|----------|
| 1. <i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i> | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSNH/Nợ ngắn hạn | 3,25 | 9,68 |
| + Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSNH - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn | 3,16 | 9,42 |
| 2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i> | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 0,078 | 0,036 |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 0,084 | 0,037 |
| 3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i> | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân | 3,64 | 2,75 |
| + Vòng quay tổng tài sản Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân | 0,025 | 0,026 |
| 4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i> | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 4,6 | 4,6 |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 0,123 | 0,130 |

| Các chỉ tiêu | Năm 2024 | Năm 2025 |
|---------------------------------------------------------------|----------|----------|
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 0,117 | 0,123 |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh /Doanh thu thuần | 4,6 | 6,0 |

6.2 Tình hình tài chính**ĐVT: đồng**

| Chỉ tiêu | Năm 2024 | Năm 2025 | % tăng giảm năm 2025 so với năm 2024 |
|-----------------------------------|-----------------|-------------------|--------------------------------------------|
| Tổng giá trị tài sản | 423.791.208.240 | 458.449.771.173 | 8% |
| Tổng doanh thu | 79.043.018.366 | 108.750.557.029 | 38% |
| Doanh thu thuần | 10.972.911.239 | 11.644.770.687 | 6% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 50.444.263.311 | 70.001.172.137 | 39% |
| Lợi nhuận khác | 38.742.082 | (15.918.210.679) | -41188% |
| Lợi nhuận trước thuế | 50.483.005.393 | 54.082.961.458,00 | 7% |
| Lợi nhuận sau thuế | 50.480.655.447 | 54.082.961.458,00 | 7% |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 13% | 10% (dự kiến) | -23% |

7. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**7.1 Cổ phần:**

| | |
|----------------------------------|--------------------|
| Tổng số cổ phần: | 36.677.145 cổ phần |
| + Tổng số cổ phần đang lưu hành: | 36.677.145 cổ phần |
| + Loại cổ phần: | Cổ phần phổ thông |
| + Cổ phiếu quỹ: | 0 cổ phần |
| + Mệnh giá: | 10.000 đồng |

7.2 Cơ cấu cổ đông:**7.2.1 Theo tỷ lệ sở hữu:**

| STT | Tên cổ đông | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ |
|-----|----------------------------------------|---------------------|--------|
| | CỔ ĐÔNG LỚN | | |
| 1 | Tổng công ty Phát điện 1 | 9.554.500 | 26,05% |
| 2 | Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | 7.080.000 | 19,30% |
| 3 | Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam | 4.320.000 | 11,78% |
| 4 | Ngân hàng TMCP An Bình | 3.780.000 | 10,31% |
| 5 | Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam | 2.822.200 | 7,69% |

| STT | Tên cổ đông | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ |
|-----|------------------------------------|-------------------|-------------|
| | CỔ ĐÔNG LỚN | | |
| 6 | Tổng Công ty CP XNK và XD Việt Nam | 2.139.500 | 5,83% |
| | CỔ ĐÔNG NHỎ | 6.980.945 | 19,04% |
| | Tổng | 36.677.145 | 100% |

7.2.2 Theo loại hình cổ đông:

| Cổ đông | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ |
|---------------------------|------------------|-------------------|-------------|
| Cổ đông trong nước | | | |
| Tổ chức | 18 | 34.811.888 | 94,91% |
| Cá nhân | 1.569 | 1.850.929 | 5,05% |
| Cổ đông nước ngoài | | | |
| Tổ chức | 1 | 1.000 | 0,0027% |
| Cá nhân | 11 | 13.328 | 0,0363% |
| Tổng cộng | 1.626 | 36.677.145 | 100% |

7.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2025: Không phát sinh

7.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không phát sinh**7.5 Các chứng khoán khác:** Không phát sinh**IV. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:**

EVNI tham gia đầu tư dự án thủy điện Hạ Sê San 2 tại Vương quốc Campuchia. Trong nước, EVNI không có các dự án nhà máy điện, chỉ tham gia công tác tư vấn giám sát.

1. Tiêu thụ năng lượng:

Điện sử dụng: EVNI tập trung làm việc tại tòa nhà 5 tầng với tổng số 34 cán bộ công nhân viên, trong đó, 2/3 số cán bộ đi công tác thường xuyên, phục vụ công tác tư vấn giám sát tại công trường các dự án. Ngoài ra, EVNI cho thuê 3 tầng với số lượng người làm việc 50 người. Do đó, lượng điện sử dụng không nhiều. Công ty luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.

EVNI sử dụng điện chiếu sáng cho các khu vực: nhà bảo vệ, phòng làm việc, hành lang, khu vệ sinh. Công ty chủ yếu sử dụng đèn Led giúp tiết kiệm điện năng.

2. Tiêu thụ nước: Công ty sử dụng nguồn nước sinh hoạt do Công ty cấp nước thành phố Đà Nẵng cấp. Lượng nước tiêu thụ năm 2025 là 1.799 m³

Lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có

3. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty luôn tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không.

4. Chính sách liên quan đến người lao động:

a. Chính sách tiền lương, thưởng:

Công ty ban hành Quy chế phân phối tiền lương phù hợp với tình hình thực tế và quy định của pháp luật. Người lao động được trả lương theo năng lực và hiệu quả công việc, hàng tháng đều tiến hành họp Hội đồng lương để đánh giá. Người lao động được xét tăng lương theo đúng quy định, quy chế của công ty, khuyến khích người lao động làm việc hiệu quả, tích cực. Ngoài các khoản tiền thưởng vào các ngày lễ lớn: Ngày Giải phóng miền Nam, Quốc tế lao động, Quốc khánh, ngày thành lập Công ty, Tết, ngày truyền thống ngành điện..., các tập thể cá nhân có thành tích xuất sắc còn được khen thưởng vào cuối năm. Con em CBCNV có thành tích học tập tốt cũng được nhận phần thưởng vào dịp Quốc tế thiếu nhi.

Việc phân phối tiền lương được thực hiện công khai và dân chủ, đảm bảo sự công bằng và hợp lý giữa các chức danh trong Công ty. Công ty luôn thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động về tiền lương, tiền thưởng, chế độ bảo hiểm, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động theo Bộ luật lao động, nội quy lao động và thỏa ước lao động tập thể.

Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ 01 lần/01 năm cho toàn thể CBCNV. Đối với cán bộ nữ, được tổ chức khám định kỳ 02 lần/01 năm.

Công ty cũng chú trọng công tác An toàn vệ sinh lao động, trang bị bảo hộ lao động, công tác phòng cháy chữa cháy, tử thuốc theo đúng quy định của pháp luật.

c. Hoạt động đào tạo người lao động:

Để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tác phong chuyên nghiệp cho CBCNV, Công ty chú trọng và xây dựng chính sách, quy định đào tạo. Thường xuyên cử cán bộ đi bồi dưỡng, nâng cao trình độ lý luận chính trị, tham gia lớp đào tạo cán bộ quản lý, các lớp nghiệp vụ đào tạo chuyên môn. Ngoài ra, Công ty kết hợp với các trung tâm, cơ quan chức năng tại địa phương tổ chức các lớp tập huấn về an toàn, vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy...

| TT | Khóa đào tạo | Chi phí | Số học viên | Thời gian |
|-----------|------------------------------------------------------------------|----------------|--------------------|------------------|
| 1 | Tổ chức đào tạo Kỹ năng lãnh đạo quản lý và Pháp luật kinh doanh | 98.617.788 | 19 | Tháng 4/2025 |
| 2 | Lớp quản trị Công ty | 5.000.000 | 1 | Tháng 5/2025 |
| 3 | Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động cho CBNV thuộc nhóm 4 | 2.079.000 | 07 | Tháng 5/2025 |
| 4 | Huấn luyện PCCC tại chỗ | 4.139.000 | 20 | Tháng 6/2025 |

| TT | Khóa đào tạo | Chi phí | Số học viên | Thời gian |
|-------------|-----------------------------------------------------------|--------------------|-------------|---------------|
| 5 | Tư vấn, hướng dẫn và đào tạo về chính sách thuế hiện hành | 16.200.000 | 34 | Tháng 10/2025 |
| 6 | Tập huấn Chế độ kế toán doanh nghiệp | 2.400.000 | 4 | Tháng 11/2025 |
| Tổng | | 128.435.788 | | |

d. Số lao động và mức lương bình quân:

| Năm | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 | 2024 | 2025 |
|--------------------------------------|--------|--------|------|------|-------|---------------------|
| Số lượng (người) | 30 | 33 | 32 | 32 | 32 | 34 |
| Thu nhập bình quân NLĐ (triệu/tháng) | 13,977 | 17,416 | 19,2 | 18,9 | 16,66 | 33,2 ^(*) |

(*) Tiền lương bình quân của Ban điều hành và Người lao động

5. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

EVNI trong các năm qua luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, làm tròn nghĩa vụ thuế với địa phương.

Ngoài ra, Công ty đã tích cực tham gia công tác xã hội như: hiến máu nhân đạo, ủng hộ nhân dân các tỉnh bị ảnh hưởng trong các đợt mưa lũ; thăm hỏi người có công với cách mạng nhân ngày thương binh liệt sỹ; hỗ trợ trẻ em các tỉnh vùng cao...

V. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2025, dưới sự lãnh đạo của Tập thể HĐQT, Ban TGD và sự đoàn kết đồng lòng của tập thể CBCNV, Công ty đã thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu SXKD đã được Đại hội đồng cổ đông giao. Lợi nhuận đạt 54,082 tỷ đồng, đạt 162% kế hoạch; tỷ lệ cổ tức (dự kiến) 10%, đạt 100% kế hoạch.

- Tìm kiếm công việc, tạo công ăn việc làm: Trong năm 2025, EVNI đã đẩy mạnh hoạt động tham gia đấu thầu các gói thầu Tư vấn giám sát thi công xây lắp công trình đường dây và TBA 220-500kV của ngành điện để tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập và ổn định đời sống CBCNV, chủ động để hoàn thiện năng lực Tư vấn giám sát và đặt mục tiêu phát triển bền vững, tạo nguồn thu nhập ổn định.

- Về chi phí hoạt động của EVNI: Từ đầu năm 2025, Tổng Giám đốc EVNI đã có nhiều chỉ đạo tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm tối ưu hóa chi phí. Với việc chủ động tạo nguồn thu từ công tác TVGS, tuyệt đối không sử dụng vào phần vốn các cổ đông đã góp chưa sử dụng hết, Công ty đã đảm bảo hoàn thành mục tiêu kế hoạch nhiệm vụ trong năm 2025.

- Tiếp tục duy trì bộ máy tổ chức nhân sự gọn nhẹ.

2. Một số tồn tại và nguyên nhân:

- Đối với dự án Thủy điện Hạ Sesan 2: Tỷ lệ sở hữu vốn của EVNI tại Công ty

TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 (HLSS2) thấp (10%) nên Người đại diện khó chủ động trong việc kiểm soát các quyết định trong ĐHĐCĐ của HLSS2.

- Đối với dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5; Sê Kông tại Campuchia; Nậm Mô 1 tại Lào: Việc kiểm soát để chuyển giao dự án hoặc góp vốn đầu tư tương tự như dự án Hạ Sê San 2 chưa có kết quả và gặp nhiều khó khăn.

3. Tình hình tài chính:

3.1. Tình hình tài sản:

| Chỉ tiêu | Đơn vị | Năm 2024 | Năm 2025 |
|-------------------------------------|--------|----------|----------|
| 1. Chỉ tiêu cơ cấu tài sản | | | |
| Tổng tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản | % | 25,2 | 34,6 |
| Tổng tài sản dài hạn/Tổng tài sản | % | 74,8 | 65,4 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn | % | 7,8 | 3,6 |
| Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn | % | 92,2 | 96,4 |

3.2. Tình hình nợ phải trả:

Số dư nợ phải trả của Công ty ngày 01/01/2025 là 32,87 tỷ đồng, bao gồm: cổ tức phải trả cho cổ đông với giá trị là 29,079 tỷ đồng; các khoản người mua trả tiền trước 0,24 tỷ đồng; phải trả người lao động 1,52 tỷ đồng; quỹ khen thưởng phúc lợi 0,79 tỷ, thuế phải nộp Nhà nước 0,5 tỷ đồng...

Số dư nợ phải trả của Công ty ngày 31/12/2025 là 16,41 tỷ đồng (bao gồm: cổ tức phải trả cho cổ đông với giá trị là 6,59 tỷ đồng; các khoản người mua trả tiền trước 1,02 tỷ đồng; phải trả người lao động 4,99 tỷ đồng; quỹ khen thưởng phúc lợi 1,7 tỷ, thuế phải nộp Nhà nước 0,7 tỷ đồng...).

Hệ số thanh toán năm 2025 là 9,68 lần (>1), Công ty có khả năng đáp ứng việc thanh toán nợ ngắn hạn mà không gặp khó khăn nào trong việc chuyển từ tài sản lưu động khác về tiền mặt để thanh toán nợ. Mặt khác, hệ số tự tài trợ (nguồn vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn) năm 2025 là 96,4% đã phản ánh được mức độc lập, tự chủ về vốn để trả nợ của Công ty.

Công ty không có nợ phải trả xấu trong năm 2025.

3.3 Kế hoạch phát triển trong năm 2026

| | |
|-----------------------------------------------|-------------------|
| - Tổng Doanh thu: | 68.235 triệu đồng |
| + Doanh thu từ hoạt động tài chính, cho thuê: | 7.540 triệu đồng |
| + Doanh thu từ hoạt động TVGS: | 10.695 triệu đồng |
| + Doanh thu từ dự án TĐ Hạ Sê San 2: | 50.000 triệu đồng |
| - Tổng Chi phí: | 33.722 triệu đồng |
| - Lợi nhuận trước thuế | 34.513 triệu đồng |
| - Cổ tức | 10 % |

* Nộp ngân sách nhà nước theo qui định.

a. Đối với dự án Thủy điện Hạ Sê San 2:

- Thực hiện giám sát và quản lý phần vốn góp vào Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 (HLSS2) trên cơ sở pháp luật Campuchia, Hợp đồng cổ đông và theo nguyên tắc bảo toàn phần vốn đã góp.

- Quản lý, theo dõi chặt chẽ tình hình SXKD của Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2, đơn đốc HLSS2 thực hiện các nội dung Nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông; đảm bảo nhà máy thủy điện Hạ Sê San 2 vận hành an toàn, ổn định và hiệu quả, hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2026.

- Phối hợp với các Cổ đông khác, đơn đốc Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 thực hiện phân chia lợi nhuận năm 2025 trong năm 2026.

b. Đối với các dự án thủy điện như Hạ Sê San 1/Sê San 5; Sê Kông và Nậm Mô 1:

* Đối với các dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5; Sê Kông và Nậm Mô 1:

Thực hiện các giải pháp về chuyển giao hoặc tham gia góp vốn đầu tư tương tự như dự án thủy điện Hạ Sê San 2.

* Đối với dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5:

Trình ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua chủ trương chấm dứt hoạt động (dừng thực hiện vĩnh viễn) của dự án đầu tư ra nước ngoài và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư, xử lý chi phí đã đầu tư dự án này theo quy định.

c. Về đầu tư phát triển:

Nghiên cứu, tìm kiếm các dự án nguồn điện (dự án điện mặt trời, điện gió, điện sinh khối, điện rác...) để trình ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua chủ trương đầu tư hoặc hợp tác đầu tư, phù hợp với tình hình tài chính của đơn vị.

d. Công tác Tư vấn giám sát:

- Thực hiện các giải pháp tăng doanh thu như:

+ Tăng cường tìm kiếm thông tin thầu trên hệ thống đấu thầu quốc gia, làm việc với các đối tác để tham dự thầu các gói thầu phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của Công ty.

+ Mở rộng hoạt động Tư vấn giám sát cho các dự án nguồn điện, hạ tầng kỹ thuật các nhà máy điện, hạng mục truyền dẫn điện ngầm,...

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực, kinh nghiệm cho đội ngũ chuyên gia Tư vấn.

- Bố trí nhân sự thực hiện công tác tư vấn hợp lý, khoa học và hiệu quả; tổ chức thực hiện dịch vụ Tư vấn chuyên nghiệp, bảo đảm các dự án thực hiện đúng tiến độ, chất lượng, an toàn và hiệu quả.

- Phối hợp, đơn đốc các đơn vị thi công xây lắp thực hiện nghiệm thu thanh toán/quyết toán các gói thầu, để EVNI thực hiện nghiệm thu thanh toán/quyết toán chi phí Tư vấn kịp thời, đáp ứng quy định của hợp đồng và nhằm tăng hiệu quả sử dụng vốn.

- Thực hiện công tác Tư vấn giám sát đạt doanh thu 10,69 tỷ đồng.

e. Công tác khác:

- Chấp hành đầy đủ và nghiêm túc các quy định, nghĩa vụ đối với Nhà nước, chuẩn mực kế toán, hạch toán đúng chế độ. Thu nộp ngân sách, bảo hiểm đầy đủ, đúng quy định.

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ phù hợp với tình hình SXKD của Công ty.

- Kịp thời cập nhật, triển khai áp dụng và thực hiện tuân thủ các quy định về công tác đấu thầu, quản lý tài chính, quản trị doanh nghiệp, công bố thông tin... để chất lượng và nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Thường xuyên, chủ động kiểm soát, cân đối dòng tiền để có phương án gửi tiền có kỳ hạn phù hợp nhằm tăng doanh thu hoạt động tài chính.

- Thực hiện chi trả cổ tức năm 2025 cho các cổ đông theo phương án do ĐHĐCĐ thường niên EVNI năm 2026 thông qua.

- Duy trì dịch vụ cho thuê văn phòng tại nhà làm việc của EVNI có hiệu quả đảm bảo đạt vượt giá trị thực hiện năm 2025

- Về mô hình tổ chức và chi phí hoạt động:

+ Tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo mô hình gọn nhẹ, linh hoạt và sắp xếp, bố trí nhân sự phù hợp đáp ứng yêu cầu quản lý của Công ty trên cơ sở nhiệm vụ công tác năm 2026 nhằm tối ưu hóa chi phí;

+ Quản lý chi phí hoạt động chặt chẽ, thực hiện tiết kiệm, tiết giảm chi phí bằng hoặc cao hơn chỉ tiêu do ĐHĐCĐ/HĐQT giao nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD.

+ Chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

VI. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2025, Công ty đã thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD do Đại hội đồng cổ đông giao, lợi nhuận thực hiện đạt 162% kế hoạch năm. Đặc biệt là các nhiệm vụ: Theo dõi, quản lý nhằm bảo toàn phần vốn góp tại Dự án thủy điện Hạ Sê San 2; Triển khai tìm kiếm các công việc mới phù hợp với năng lực để tăng nguồn thu, giải quyết công ăn việc làm cho CBCNV; Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức đảm bảo các hoạt động SXKD của Công ty.

Về mục tiêu tìm kiếm đối tác để chuyển giao dự án hoặc góp vốn đầu tư tương tự như dự án Hạ Sê San 2 đối với các dự án Sê Kong, Nậm Mô 1 và Hạ Sê San 1/5 vẫn chưa có kết quả, do nguyên nhân khách quan như: (i) Dự án đã hết hiệu lực MOU; (ii) Đặc điểm vị trí địa lý của dự án, tình hình chính trị, sự tác động của dự án đến môi trường và đầu ra giá bán điện của dự án nên chưa đủ thuyết phục các đối tác để hợp tác đầu tư hoặc chuyển giao dự án trong thời điểm hiện tại.

Kết thúc năm 2025, Công ty đã duy trì mức tăng trưởng về quy mô, doanh thu, lợi nhuận là nhờ sự năng động của Ban lãnh đạo Công ty, nắm bắt kịp thời các cơ hội thực hiện dịch vụ TVGS các dự án năng lượng tái tạo đang phát triển trong thời gian qua và nhờ sự đoàn kết, nỗ lực cố gắng của tập thể HĐQT, Ban điều hành và CBCNV Công ty

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Điều hành Công ty

Ban điều hành đã thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ điều hành SXKD, báo cáo kịp thời các nội dung và trình HĐQT Công ty xem xét, phê duyệt và tổ chức thực hiện nghiêm

tức, có hiệu quả các nội dung Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT. Kết quả đã thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao.

Ban điều hành đã tổ chức thực hiện đúng quy định về việc thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phúc lợi, phụ cấp và quyền lợi khác đối với người lao động, người quản lý Công ty, điều hành luôn thực hiện tốt nguyên tắc cẩn trọng, linh hoạt, tuân thủ đúng các quy định pháp luật hiện hành và thông lệ quản trị trong nước và quốc tế.

Ban điều hành đã thực hiện công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời về tình hình hoạt động SXKD cho các cổ đông và cơ quan quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

Ban Điều hành đã duy trì giao ban hàng tháng để có những chỉ đạo sát, điều hành sát sao và kịp thời để có những giải pháp thực hiện hoàn thành các mục tiêu cụ thể, tổng thể trong từng tháng.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

HĐQT duy trì chế độ họp định kỳ và bất thường để kịp thời chỉ đạo và giám sát các hoạt động của Ban điều hành Công ty, đảm bảo các hoạt động của Công ty tuân thủ pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty.

Áp dụng các nguyên tắc và thông lệ quản trị tốt được chấp nhận rộng rãi vào công tác quản trị Công ty.

Nâng cao đời sống, phúc lợi và tạo điều kiện bảo vệ sức khỏe, an toàn lao động cho Người lao động chính là mục đích thiết thực để nâng cao năng suất lao động, tạo ra môi trường làm việc hấp dẫn, đảm bảo thu hút nguồn nhân lực.

HĐQT tiếp tục tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, cùng Ban điều hành Công ty giải quyết linh hoạt, hiệu quả, phù hợp quy định; thực hiện các giải pháp trong hoạt động SXKD, tiết kiệm chống lãng phí để đảm bảo đạt/vượt chỉ tiêu lợi nhuận được ĐHĐCĐ giao trong năm 2023.

VII. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1. Về cơ cấu nhân sự của HĐQT:

Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên, Chủ tịch HĐQT làm việc chuyên trách, 01 thành viên là Tổng Giám đốc, 03 thành viên còn lại đều làm việc theo chế độ không chuyên trách.

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Tỷ lệ nắm giữ CP | | Ghi chú |
|-----|-------------------|-----------------------|---------------|------------------|--------|-----------|
| | | | | Đại diện | Sở hữu | |
| 1 | Trương Quang Minh | Chủ tịch HĐQT | 23/06/2023 | 15,63% | 0,29% | EVNGENCO1 |
| 2 | Lê Vũ Ninh | Thành viên HĐQT. Tổng | 23/06/2023 | 10,42% | - | EVNGENCO1 |

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Tỷ lệ nắm giữ CP | | Ghi chú |
|-----|------------------|-----------------|---------------|------------------|--------|---------|
| | | | | Đại diện | Sở hữu | |
| | | Giám đốc | | | | |
| 3 | Nguyễn Quang Huy | Thành viên HĐQT | 23/06/2023 | 19,30% | - | PPC |
| 4 | Nguyễn Thị Hương | Thành viên HĐQT | 23/06/2023 | 10,31% | - | ABBank |
| 5 | Lê Duy Thanh | Thành viên HĐQT | 23/06/2023 | 11,78% | - | VRG |

1.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

HĐQT đã thực hiện công tác quản lý Công ty theo quy định Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Quy chế hoạt động của HĐQT và quy định của Pháp luật nên mọi hoạt động của HĐQT Công ty đến Ban điều hành luôn được thực hiện thông suốt, kịp thời và hiệu quả. Các thành viên HĐQT luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo trong mọi mặt hoạt động Công ty, vì sự phát triển của Công ty và lợi ích cổ đông.

Hội đồng quản trị đã xem xét thông qua Quy chế tài chính, sửa đổi bổ sung các quy định, quy chế phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế mô hình hoạt động của Công ty.

HĐQT đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ, tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản các thành viên HĐQT; ban hành 15 Nghị quyết và 11 Quyết định đề Tổng Giám đốc và các thành viên Ban điều hành triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2025.

Các cuộc họp HĐQT đã được triệu tập và thực hiện theo các trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty. Các phiên họp HĐQT đều mời Ban kiểm soát tham dự tất cả các cuộc họp. Thông báo mời họp, hồ sơ, tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các Thành viên HĐQT, BKS dự họp để tham khảo, nghiên cứu theo quy định. Các nội dung cuộc họp được các Thành viên HĐQT trao đổi, thảo luận, bàn bạc công khai, dân chủ, thẳng thắn và đánh giá đầy đủ, cân trọng để đưa ra những định hướng, giải pháp tốt nhất cho Công ty.

Các quyết định của HĐQT tại các cuộc họp phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được thông qua. Biên bản các cuộc họp HĐQT đã được lập đầy đủ, có chữ ký của các Thành viên HĐQT tham gia dự họp, đảm bảo đúng hình thức theo quy định pháp luật.

Trong năm 2025, các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT,

thực hiện nhiệm vụ của mình theo đúng chức trách, công việc được phân công với tinh thần trách nhiệm cao, nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát mọi mặt hoạt động của Công ty theo đúng nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, phù hợp với định hướng chiến lược, vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển chung của Công ty. Các cuộc họp, nghị quyết, quyết định của HĐQT đều được thống nhất, chấp thuận của các thành viên HĐQT. Vì vậy, công tác chỉ đạo, điều hành được thực hiện kịp thời, đáp ứng yêu cầu hoạt động của Công ty.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được Chủ tịch thông tin đầy đủ thông qua văn bản, email hoặc điện thoại, kịp thời các hoạt động của Công ty.

* Thống kê các cuộc họp của HĐQT:

| TT | Thành viên HĐQT | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|----|-----------------------|--------------------------|-------------------|-------------------------|
| 1 | Ông Trương Quang Minh | 04 | 100% | |
| 2 | Ông Lê Vũ Ninh | 04 | 100% | |
| 3 | Bà Nguyễn Thị Hương | 04 | 100% | |
| 4 | Ông Lê Duy Thanh | 04 | 100% | |
| 5 | Ông Nguyễn Quang Huy | 04 | 100% | |

* Thống kê các Nghị quyết, quyết định của HĐQT:

| STT | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----------------------------|--------------------------|------------|--------------------------------------------------------------|-----------------|
| NGHỊ QUYẾT HĐQT 2025 | | | | |
| 1. | 04/NQ-HĐQT | 21/02/2025 | Chốt ngày ĐKCD và ngày ĐHĐCĐ 2025 | 100% |
| 2. | 06/NQ-HĐQT | 26/02/2025 | Thông qua quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024 | 100% |
| 3. | 08/NQ-HĐQT | 26/03/2025 | Nghị quyết HĐQT phiên 1 năm 2025 | 100% |
| 4. | 14/NQ-HĐQT | 10/04/2025 | Thông qua tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 | 100% |
| 5. | 22/NQ-HĐQT | 02/6/2025 | Thông qua dự toán và KHLCNT gói thầu kiểm toán BCTC năm 2025 | 100% |
| 6. | 28/NQ-HĐQT | 23/07/2025 | Nghị quyết HĐQT phiên 2 năm 2025 | 100% |
| 7. | 29/NQ-HĐQT | 23/7/2025 | Nghị quyết HĐQT chốt | 100% |

| STT | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----------------------------|--------------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| | | | ngày ĐKCC lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản | |
| 8. | 30/NQ-HĐQT | 23/7/2025 | Thông qua chủ trương giao dịch EVNI với các bên liên quan | 100% |
| 9. | 35/NQ-HĐQT | 20/8/2025 | Thông qua chủ trương bổ nhiệm TGD EVNI | 100% |
| 10. | 38/NQ-HĐQT | 20/10/2025 | Bổ nhiệm lại TGD EVNI | 100% |
| 11. | 39/NQ-HĐQT | 20/10/2025 | Tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2025 | 100% |
| 12. | 46/NQ-HĐQT | 24/11/2025 | Miễn nhiệm thành viên BKS EVNI | 80% |
| 13. | 49/NQ-HĐQT | 03/12/2025 | Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án Sekong | 80% |
| 14. | 50/NQ-HĐQT | 03/12/2025 | Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án Nậm Mô 1 | 80% |
| 15. | 56/NQ-HĐQT | 24/12/2025 | Tạm phê duyệt kế hoạch năm 2026 | 100% |
| QUYẾT ĐỊNH HĐQT 2025 | | | | |
| 1. | 17/QĐ-HĐQT | 12/5/2025 | Phê duyệt kế hoạch năm 2025 của EVNI | 100% |
| 2. | 18/QĐ-HĐQT | 13/5/2025 | Quyết định cử cán bộ tham gia lớp đào tạo huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động năm 2025 (bà Phạm Thị Thủy – KTT) | 100% |
| 3. | 19/QĐ-HĐQT | 16/5/2025 | Thành lập tổ thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 | 100% |
| 4. | 20/QĐ-HĐQT | 19/5/2025 | Chi tiền thưởng HĐQT, BKS, BDH năm 2024 | 100% |
| 5. | 23/QĐ-HĐQT | 04/6/2025 | Phê duyệt kế hoạch lựa chọn | 100% |

| STT | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|--------------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| | | | nhà thầu Gói thầu Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 | |
| 6. | 24/QĐ-HĐQT | 04/6/2025 | Phê duyệt dự toán chi phí Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 | 100% |
| 7. | 31/QĐ-HĐQT | 25/7/2025 | Quy chế quản lý chi tiêu áp dụng trong EVNI | 100% |
| 8. | 36/QĐ-HĐQT | 06/10/2025 | Thành lập tổ thẩm định quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành Dự án dừng thực hiện vĩnh viễn- Thủy điện Nậm Mô 1 và Thủy điện Sê Kong | 100% |
| 9. | 42/QĐ-HĐQT | 30/10/2025 | Bổ nhiệm lại chức danh quản lý Công ty đối với ông Lê Vũ Ninh | 100% |
| 10. | 45/QĐ-HĐQT | 17/11/2025 | Cử đoàn cán bộ đi tham quan, giao lưu trao đổi kinh nghiệm tại Hàn Quốc năm 2025 | 100% |
| 11. | 55/QĐ-HĐQT | 18/12/2025 | Công nhân danh hiệu lao động tiên tiến năm 2025 | 100% |

2. Ban kiểm soát:

2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Tỷ lệ nắm giữ CP | Ghi chú |
|-----|--------------------|----------------|------------------|-----------|
| 1 | Nguyễn Thành Lương | Trưởng BKS | 0 | EVNGENCO1 |
| 2 | Vũ Hương Trà | Kiểm soát viên | 0 | ABB |
| 3 | Nguyễn Thị Huyền | Kiểm soát viên | 0 | PPC |

2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát:

| Stt | Thành viên BKS | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|------------------------|---------------------|-------------------|-------------------------|
| 1 | Ông Đỗ Quang Minh | 02 | 100% | Miễn nhiệm |
| 2 | Bà Vũ Hương Trà | 03 | 100% | |
| 3 | Bà Nguyễn Thị Huyền | 03 | 100% | |
| 4 | Ông Nguyễn Thành Lương | 01 | 100% | Bổ nhiệm mới |

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát đã kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty trên các khía cạnh trọng yếu. Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã tổ chức cuộc họp định kỳ và tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty.

- Thực hiện giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, tuân thủ điều lệ của công ty, các quy chế, quy định nội bộ; việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban TGD. BKS kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh.

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, nắm bắt và giám sát tình hình, điều hành hoạt động của HĐQT, Ban TGD và đưa ra một số kiến nghị trong tổ chức, quản lý, điều hành hoạt động của công ty.

- Thực hiện: (i) Giám sát định kỳ, hoàn thành báo cáo cổ đông tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 về kết quả giám sát hoạt động SXKD năm 2024; (ii) Trình ĐHĐCĐ thông qua kế hoạch hoạt động hoạt động của BKS năm 2025; (iii) Giám sát định kỳ hoạt động SXKD năm 2025.

- Tiến hành: (i) Rà soát, thẩm định và thống nhất BCTC năm 2024 đã được kiểm toán và trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua; (ii) Rà soát, thẩm định và thống nhất BTTC bán niên năm 2025 sau soát xét.

- Giám sát việc công bố thông tin.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát được hưởng thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ.

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không thực hiện

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty được thành lập và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ năm 2007, trở thành công ty đại chúng từ năm 2010 và cổ phiếu giao dịch trên sàn UpCom từ năm 2017. Cơ cấu điều hành và quản trị Công ty được thiết lập và tuân thủ theo các quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan.

Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán, hệ thống quản trị của Công ty được kiểm soát chặt chẽ, các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT, BDH luôn minh bạch và được giám sát một cách cẩn trọng.

VIII. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kiểm toán: Được đăng trên website: www.evni.vn

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TH.

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

TRƯƠNG QUANG MINH

